TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 23 /2017/ HNGĐ - ST
Ngày 24/08/2017
V/v: "Hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------***----------

NHÂN DANH

NƯ□C C□NG HOÀ XÃ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUY□N TAM N□NG T□NH PH□ TH□

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Tạ Đình Quang**

- Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông: ***Khổng Minh Thanh***

2- Bà: ***Nguyễn Thị Minh Thu***

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà ***Nguyễn Thị Đào- C****án bộ Toà án.*

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà:

*Bà **Phạm Thị Thuỳ Linh** – Kiểm sát viên*

Trong ngày 24 tháng 08 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56 /2017/TLST- HNGĐ ngày23 tháng 6 năm 2017 về việc: " Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56 /2017/QĐST-HNGĐ ngày 9 / 8/ 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh ***Đỗ Văn H*** - sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu 7, Xã T, huyện T, tỉnh P.

Bi đơn: chị ***Lương Thị Nh*** (tức Lương Thị N) - sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu 6, Xã T, huyện T, tỉnh P.

(Tại phiên tòa anh H có mặt chị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và các lời khai nguyên đơn anh Đỗ Văn H trình bày: Anh và chị Lương Thị N (tức lương Thị N) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/7/1997 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Trong cuộc sống vợ chồng hay cãi vã nhau và chỉ được một thời gian ngắn do bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống nên tình cảm vợ chồng bị dạn nứt không thể hàn gắn được, đến cuối năm 2009 vợ chồng sống ly thân và không ai

quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H đề nghị xin được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Quang N, sinh ngày 20/ 01/1998 và cháu Đỗ Văn L sinh ngày 20/9/2000. Hiện nay hai cháu đang ở với chị N. Nếu ly hôn quan điểm của anh H là cháu N đã trưởng thành cháu theo ai, ở với ai là tùy thuộc ở cháu, còn cháu L chưa đủ 18 tuổi nguyện vọng của cháu là ở với mẹ nên anh nhất trí giao cháu cho chị Nh nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và vay nợ: Anh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay ai, nợ ai nên không đặt ra giải quyết.

+ Về phía chị Lương Thị Nh (tức Lương Thị N) vắng mặt nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 4/8/2017 chị trình bày: Chị và anh Đỗ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày13/7/1997 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Trong cuộc sống vợ chồng hầu như không có hạnh phúc, bản thân anh H thường xuyên rượu chè bê tha không tu chí làm ăn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống. Nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc nên chị cũng nhất trí xin được thuận tình ly hôn anh H.

+ Về con chung: chị Nh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Quang N, sinh ngày 20/01/1998 và cháu Đỗ Văn L, sinh ngày 20/9/2000. Hiện nay hai cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn quan điểm của chị Nh là cháu N đã trưởng thành cháu theo ai, ở với ai là tùy thuộc ở cháu, còn đối với cháu L chị Nh xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ: chị N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay ai, nợ ai nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Xét về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh Đỗ Văn H và chị Lương Thị Nh (tức Lương Thị N) trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã gửi giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng

cứ và hòa giải nhiều lần đến chị Nh nhưng chị Nh đều không có mặt theo giấy triệu tập để làm việc. Tòa án đã đến Công ty may Sông Hồng (xã C huyện T) nơi chị Nh làm việc để xác minh và lấy lời khai của chị Nh về việc xin ly hôn của anh H và giao giấy triệu tập cho chị Nh, chị Nh cho biết do công việc phải đi làm theo ca nên không thể đến Tòa án để làm việc được nên chị từ chối tham gia phiên họp, phiên hòa giải và chị có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Như vậy căn cứ vào khoản 1 điều 207, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh Đỗ Văn H và chị Lương Thị Nh thuộc trường hợp không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được và Tòa án nhân dân huyện T tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt chị Nh (N) là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

-**Xét về quan hệ hôn nhân**: Anh Đỗ Văn H và chị Lương Thị Nh (tức Lương Thị Nh) kết hôn ngày 13/7/1997 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau hai người chỉ hoà thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống, trong cuộc sống vợ chồng không bảo ban nhau làm ăn được nên bất đồng càng thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay anh H có đơn xin ly hôn về phía chị Nh vắng mặt nhưng trong biên bản lấy lời khai chị Nh cũng đồng ý xin ly hôn với anh H. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị Nh không còn, sống với nhau không có hạnh phúc nên anh H xin ly hôn chị Nh (tức Lương Thị N) là hoàn toàn có căn cứ theo điều 56 luật hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

-**Về con chung**: Anh H và chị Nh đều xác nhận anh chị có 02 con chung: là cháu Đỗ Quang N sinh ngày 20 /01/1998 và cháu Đỗ Văn L sinh ngày 20/9/2000 hiện nay hai cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn quan điểm của anh H và chị Nh là cháu Đỗ Quang N đã trưởng thành cháu theo ai, ở với ai là tùy thuộc ở cháu nên không đặt ra và không yêu cầu tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

Đối với cháu Đỗ Văn L anh H và chị Nh đều thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho chị Nh nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của anh chị về việc giao cháu L cho chị Nh nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Nh (N) không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị Nh (N) về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

- Về tài sản chung, và vay nợ: Tại phiên tòa hôm nay anh H và chị Nh (N) đều xác nhận không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay và không đặt ra giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên Tòa hôm nay quan điểm của Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc áp dụng pháp luật, tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng cũng như người tham gia tố tụngtrong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về án phí: Anh Đỗ Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng khoản 1 điều 56, điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1/ Xử Cho anh Đỗ Văn H được ly hôn chị Lương Thị Nh (tên gọi khác: Lương Thị N)

2/ Về con chung:

+ Giao cháu Đỗ Văn L, sinh ngày 20/09/2000 cho chị Lương Thị Nh (tức Lương Thị N) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L khôn lớn trưởng thành. Anh Đỗ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Nh (tức Lương Thị N) tự nguyện không yêu cầu và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí:

+ Anh Đỗ Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/ 0003471 ngày 20/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh H có mặt được quyền kháng cáo, chị Nh vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKS huyện
- THADS huyện
- Đương sự
- Lưu HS-VP

Tạ Đình Quang